ĐẤT NƯỚC(*)

(Trích trường ca *Mặt đường khát vọng*)

NGUYỄN KHOA ĐIỀM

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Cảm nhận được phát hiện của tác giả về đất nước ở nhiều bình diện (văn hoá, phong tục, địa lí, lịch sử) trong tư tưởng bao trùm : Đất Nước của Nhân dân.

– Thấy được nét nổi bật của nghệ thuật đoạn trích là sự vận dụng những yếu tố của văn hoá, văn học dân gian hoà nhập trong cách diễn đạt và tư duy hiện đại, tạo ra màu sắc thẩm mĩ vừa quen thuộc lại vừa mới mẻ.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

Phần *Tiểu dẫn* trong SGK đã nêu những nét cơ bản về tác giả và trường ca *Mặt đường khát vọng*. Ở đây chỉ lưu ý thêm một số điểm.

– Nguyễn Khoa Điềm là một trong những nhà thơ tiêu biểu của thế hệ thơ trẻ những năm chống Mĩ cứu nước – thế hệ có những đóng góp nổi bật trong thơ ca Việt Nam những năm này, đã đem đến cho thơ tiếng nói trữ tình của tuổi trẻ (Lê Anh Xuân, Nguyễn Mỹ, Bằng Việt, Xuân Quỳnh, Vũ Quần Phương, Phạm Tiến Duật, Nguyễn Duy, Nguyễn Khoa Điềm, Thanh Thảo, Hữu Thỉnh, v.v.). Trong thơ của lớp nhà thơ này nổi bật lên sự tự ý thức của tuổi trẻ về vai trò, trách nhiệm của mình trong cuộc chiến đấu và sự nhận thức sâu sắc về đất nước, về nhân dân qua những trải nghiệm của chính mình.

– Trong thơ thời chống Mĩ cứu nước, chủ đề "đất nước" vốn là một chủ đề bao trùm. Nhưng cảm nhận về đất nước của các nhà thơ trẻ thời kì này có những nét riêng mang dấu ấn của sự trải nghiệm bằng chính cuộc sống của mình. Đặc biệt là ở thơ của những cây bút trực tiếp cầm súng (*Tre Việt Nam* của Nguyễn Duy, *Lửa đèn* của Phạm Tiến Duật, trường ca *Những người đi tới biển* của Thanh Thảo, *Đường tới thành phố* của Hữu Thỉnh).

(*) Bài này dạy chung với bài *Sóng* trong 3 tiết.

Trong sự cảm nhận về đất nước của các nhà thơ trẻ thời chống đế quốc Mĩ, nhân dân là người tạo dựng nên đất nước, là người gánh chịu những gian lao, làm nên chiến công vĩ đại mà hết sức thầm lặng, vô danh. Nhận thức ấy đã hình thành từ thời kì đầu, nhưng chỉ thực sự sâu sắc và toàn diện ở giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh mà đoạn thơ *Đất Nước* trong trường ca *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm là một ví dụ tiêu biểu.

– Vào những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước và sau khi kết thúc chiến tranh có sự nở rộ của thể *trường ca*. Trường ca *Mặt đường khát vọng* cũng nằm trong số đó. Những trường ca trước (như *Nguyễn Văn Trỗi* của Lê Anh Xuân, *Bài ca chim Chơ-rao* của Thu Bồn, *Theo chân Bác* của Tố Hữu) thường dựa vào mạch tự sự, khai triển cảm xúc xung quanh câu chuyện về cuộc đời của một người anh hùng. Trường ca của Nguyễn Khoa Điềm không xây dựng nhân vật cụ thể, không dựa vào cái lõi tự sự mà kết cấu theo quá trình vận động ý thức của tầng lớp trẻ thành thị miền Nam thức tỉnh trước hiện tại đất nước, nhìn rõ kẻ thù, ý thức về nhân dân, đất nước và trách nhiệm của thế hệ mình, đứng dậy đấu tranh. Những trường ca về sau (của Thanh Thảo, Hữu Thỉnh, v.v.) cũng thường thoát khỏi cái cốt tự sự, đi theo hướng tổng hợp tự sự, trữ tình, chính luận.

– *Đất Nước* là phần đầu của chương V trong trường ca *Mặt đường khát vọng*. Mới nhìn thì nó có vẻ như không gắn với các chương khác (không trực tiếp nói về hiện thực cuộc sống ở các thành thị miền Nam tạm bị chiếm, đời sống và các vấn đề của thế hệ trẻ trong đó), nhưng kì thực đây lại là điểm tựa tư tưởng của tác phẩm : Sự thức tỉnh của thế hệ trẻ các thành thị miền Nam, và rộng ra, sự tự thức nhận của tuổi trẻ Việt Nam trong những năm chiến tranh này là đi đến sự lựa chọn quyết định – đứng về phía nhân dân, Tổ quốc, chia sẻ vận mệnh và trách nhiệm với dân tộc trong cuộc đấu tranh thiêng liêng để giải phóng và bảo vệ đất nước.

Sự độc đáo của đoạn thơ này là cảm nhận, phát hiện về đất nước trong một cái nhìn tổng hợp, toàn vẹn, mang đậm tư tưởng nhân dân, sử dụng phong phú các yếu tố của văn hoá, văn học dân gian một cách sáng tạo và rất thích hợp với tư tưởng đất nước của nhân dân của tác phẩm.

2. Về phương pháp

Đoạn thơ khá dài, mạch khai triển cảm xúc và suy tưởng linh hoạt, lại sử dụng thể thơ tự do với nhiều câu thơ dài, ngắn khác nhau và rất ít vần, thậm chí nhiều chỗ không có vần. HS sẽ gặp khó khăn trong việc đọc và tiếp nhận đoạn

thơ này vì hầu như chưa quen tiếp xúc với những bài thơ như vậy trong nhà trường. GV cần giúp cho HS làm quen với dạng thơ tự do của đoạn trích, trước hết là bằng cách đọc nhiều lần những đoạn thơ nhỏ đặc sắc, rồi qua việc phân tích thấy được mạch suy cảm và cấu trúc của đoạn trích. Đoạn trích có sự kết hợp chính luận với trữ tình, suy tưởng với xúc cảm. Tuy yếu tố chính luận có vai trò quan trọng, nhưng đoạn trích không phải là một văn bản nghị luận thuần tuý với các luận cứ chặt chẽ để trả lời cho câu hỏi "Đất nước là gì ?". Không nên phân tích đoạn trích theo cách phân tích một văn bản nghị luận, mà cần chú ý đến sự sáng tạo hình ảnh, những xúc cảm vừa tha thiết vừa lắng đọng về đất nước, cũng như nét đặc sắc trong việc sử dụng chất liệu dân gian đậm đặc trong đoạn thơ.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phần mở đầu

GV dựa vào phần *Tiểu dẫn* để giới thiệu tác giả và xuất xứ đoạn trích. Có thể dẫn vào bài bằng việc gợi ra mạch cảm hứng về đất nước trong nền thơ Việt Nam qua nhiều thời đại.

2. Phần nội dung chính

GV có thể tổ chức cho HS tìm hiểu bài theo các câu hỏi trong SGK.

Câu hỏi 1

GV yêu cầu HS phát hiện bố cục hai phần của đoạn trích và nêu ý chính của mỗi phần.

Thực ra, giữa hai phần của đoạn trích không có sự tách biệt thật rành mạch về nội dung. Ở phần nào cũng đều thể hiện sự cảm nhận về đất nước trong tính toàn vẹn, nhiều mặt : địa lí, lịch sử, văn hoá, tâm hồn và lối sống. Nhưng nếu chú ý hơn thì sẽ thấy mỗi phần có những trọng tâm khác nhau trong nội dung tư tưởng, cảm xúc. Ở phần 1, đất nước được cảm nhận từ những gì gần gũi, bình dị trong cuộc sống hằng ngày, rồi mở rộng ra với "Thời gian đằng đẵng - Không gian mênh mông" trong những truyền thuyết về thời dựng nước. Cuối cùng, cảm nhận về đất nước lại hướng vào sự phát hiện về đất nước ở trong mỗi con người, "trong anh và em", từ đó mà nhắc nhở trách nhiệm của mỗi người với đất nước. Trên đây cũng chính là mạch phát triển tư tưởng và cảm xúc về đất nước trong phần đầu đoạn trích.

Ở phần sau của đoạn trích, cảm nhận về đất nước cũng được mở ra theo các bình diện không gian địa lí, thời gian lịch sử, chiều sâu văn hoá và tâm hồn dân tộc. Nhưng tất cả các bình diện ấy đều được nhìn nhận và phát hiện từ một tư tưởng nhất quán, bao trùm : đất nước của Nhân dân, chính nhân dân đã làm nên đất nước. Sự cảm nhận ấy về đất nước được gợi ra từ những thắng cảnh thiên nhiên, những địa danh gắn với những tên người bình dị (Ông Đốc, Ông Trang, Bà Đen, Bà Điểm) rồi hướng đến lịch sử bốn nghìn năm với những lớp người "không ai nhớ mặt đặt tên", họ từng sống rất giản dị và bình tâm, nhưng cũng chính họ là những người đã làm nên đất nước, truyền lại cho muôn đời. Đến đây, mạch suy tưởng của tác giả dẫn đến một khái quát cô đọng, đúc kết một chân lí : "Đất Nước của Nhân dân, Đất Nước của ca dao thần thoại". Trên đây cũng chính là mạch vận động của tư tưởng và cảm xúc ở phần hai của đoạn thơ.

Câu hỏi 2

Gợi ý phân tích phần 1 của đoạn trích.

– Đoạn thơ về đất nước bắt đầu một cách rất bình dị, tạo một sự gần gũi, thân thiết mà không bắt đầu một cách trang trọng. Đất nước ở ngay trong cuộc sống của mỗi gia đình chúng ta, từ lời kể chuyện của người mẹ, miếng trầu của bà, các phong tục tập quán quen thuộc ("Tóc mẹ thì bới sau đầu"), cho đến tình nghĩa thuỷ chung của cha mẹ, hạt gạo ta ăn hằng ngày, cái kèo, cái cột trong nhà, v.v. Tất cả những điều đó làm cho đất nước trở nên gần gũi, thân thiết, bình dị trong cuộc sống hằng ngày của con người.

– Tiếp đó là sự cảm nhận đất nước từ các phương diện địa lí – lịch sử. Tác giả khai thác hai thành tố của từ *đất nước*. Việc tìm về từ gốc của từ *đất nước* là để khai thác cách quan niệm có nét riêng biệt của dân tộc ta về khái niệm này. Ở nhiều ngôn ngữ khác, *đất nước* thường được cấu tạo từ những từ gốc là nơi sinh, quê hương, v.v. nhưng trong tiếng Việt, *đất nước* gồm hai yếu tố hợp thành : *đất* và *nước*. Cách "chiết tự" có thể dẫn đến hiểu sai lạc ý nghĩa, hoặc máy móc giản đơn khi giải thích các khái niệm khoa học. Nhưng ở đây, tư duy nghệ thuật cho phép cách phân tích và cảm nhận có vẻ như không thật khoa học này. Đất nước được cảm nhận theo các phương diện *không gian* và *thời gian, địa lí* và *lịch sử* ("Thời gian đằng đẵng - Không gian mênh mông"). Từ huyền thoại Lạc Long Quân và Âu Cơ, truyền thuyết Hùng Vương và ngày giỗ Tổ, tất cả đã nói lên chiều sâu lịch sử của đất nước Việt Nam. Về mặt không gian địa lí, đất nước không chỉ là núi sông, rừng bể ("Đất là nơi *con chim phượng hoàng*

bay về hòn núi bạc - Nước là nơi *con cá ngư ông móng nước biển khơi*") mà còn là cái không gian rất gần gũi với cuộc sống mỗi người ("Đất là nơi anh đến trường - Nước là nơi em tắm"), với tình yêu của đôi lứa ("Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm"). Đất nước chính là không gian sinh tồn của cộng đồng dân tộc qua bao thế hệ ("Những ai đã khuất - Những ai bây giờ - Yêu nhau và sinh con đẻ cái - Gánh vác phần người đi trước để lại - Dặn dò con cháu chuyện mai sau",...).

Tác giả sử dụng sáng tạo các yếu tố của ca dao, truyền thuyết dân gian. Có lúc lấy lại từng phần của câu ca dao, nhưng phần nhiều là sử dụng ý, hình ảnh tạo nên hình tượng thơ mới, vừa gần gũi vừa mới mẻ ("Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn", "Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm",...).

– Ở trên chiều rộng của không gian địa lí và chiều dài của thời gian lịch sử, đất nước được cảm nhận như sự thống nhất của các phương diện văn hoá, truyền thống, phong tục, cái hằng ngày và cái vĩnh hằng, trong đời sống mỗi cá nhân và cả cộng đồng,...

Ở cuối phần 1, ý thơ dẫn đến điểm tập trung những suy nghĩ, cảm xúc về đất nước, cũng là điểm mấu chốt của tư tưởng trong phần này của bài thơ : "Trong anh và em hôm nay - Đều có một phần Đất Nước". GV cho HS đọc đoạn thơ và nêu cảm nghĩ của mình.

Đất nước không ở đâu xa mà kết tinh, hoá thân trong cuộc sống của mỗi con người. Sự sống mỗi cá nhân không phải chỉ là riêng của cá nhân mà còn là của đất nước, bởi mỗi cuộc đời đều được thừa hưởng những di sản văn hoá tinh thần và vật chất của dân tộc, của nhân dân ; mỗi cá nhân phải có trách nhiệm gìn giữ, phát triển nó, truyền lại cho các thế hệ tiếp theo.

Đoạn thơ kết thúc bằng một lời nhắn nhủ với thế hệ trẻ về trách nhiệm với đất nước, tuy là đoạn thơ chính luận nhưng người đọc không cảm thấy là những lời "giáo huấn" mà chỉ như một lời tự nhủ, tự dặn mình, chân thành, tha thiết :

Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình
Phải biết gắn bó và san sẻ
Phải biết hoá thân cho dáng hình xứ sở
Làm nên Đất Nước muôn đời...

Câu hỏi 3

Gợi ý tìm hiểu phần 2 của đoạn trích.

– Tư tưởng cơ bản của phần này là tư tưởng *Đất Nước của Nhân dân*. Đây là điểm quy tụ mọi cách nhìn về đất nước trong phần này, cũng là đóng góp của Nguyễn Khoa Điềm làm sâu sắc thêm ý niệm về đất nước của thơ chống Mĩ cứu nước.

+ Cách nhìn của tác giả về những thắng cảnh, về địa lí là một cách nhìn có chiều sâu và là một phát hiện mới mẻ (đoạn đầu của phần 2, từ "Những người vợ nhớ chồng..." đến "Những cuộc đời đã hoá núi sông ta"). Những cảnh quan thiên nhiên kì thú (đá Vọng Phu, núi con cóc, núi con gà, hay hòn Trống Mái,...) gắn liền với cuộc sống của nhân dân, nó chỉ trở thành thắng cảnh khi đã gắn liền với con người, được tiếp nhận, cảm thụ qua tâm hồn nhân dân và qua lịch sử của dân tộc. Nếu không có những người vợ mòn mỏi nhớ chồng qua các cuộc chiến tranh và li tán thì cũng không có sự cảm nhận về núi Vọng Phu, cũng như nếu không có truyền thuyết Hùng Vương dựng nước thì cũng không thể có sự cảm nhận như vậy về vẻ đẹp hùng vĩ của vùng núi đồi xung quanh đền vua Hùng, v.v. Đoạn thơ quy nạp hàng loạt hiện tượng để đưa đến một khái quát sâu sắc : "Và ở đâu trên khắp ruộng đồng gò bãi - Chẳng mang một dáng hình, một ao ước, một lối sống ông cha - Ôi Đất Nước sau bốn nghìn năm đi đâu ta cũng thấy - Những cuộc đời đã hoá núi sông ta".

+ Nói về lịch sử bốn nghìn năm của đất nước, nhà thơ không điểm lại các triều đại, các anh hùng nổi tiếng mà nhấn mạnh đến vô vàn những con người vô danh, bình dị :

Trong bốn nghìn lớp người giống ta lứa tuổi
Họ đã sống và chết
Giản dị và bình tâm
Không ai nhớ mặt đặt tên
Nhưng họ đã làm ra Đất Nước.

Tiếp đó đoạn thơ khai triển cụ thể thêm ý này : Những con người vô danh và bình dị ấy đã gìn giữ và truyền lại cho các thế hệ sau mọi giá trị văn hoá, văn minh tinh thần và vật chất của đất nước, của dân tộc : hạt lúa, ngọn lửa, tiếng nói, ngôn ngữ dân tộc, cả tên xã, tên làng,... Họ cũng là những người khi "Có ngoại xâm thì chống ngoại xâm - Có nội thù thì vùng lên đánh bại".

+ Mạch suy nghĩ của đoạn thơ dẫn đến tư tưởng cốt lõi, điểm hội tụ và cũng là cao điểm của cảm xúc trữ tình ở cuối đoạn : "Đất Nước này là Đất Nước Nhân dân". Cũng từ điểm này, chúng ta hiểu thêm những ý thơ ở trên. Và khi nói đến *Đất Nước của Nhân dân*, một cách tự nhiên, tác giả trở về với ngọn nguồn phong phú, đẹp đẽ của văn hoá, văn học dân gian mà tiêu biểu là ca dao. Vẻ đẹp tinh thần của nhân dân, hơn đâu hết, có thể tìm thấy ở đó – trong ca dao, dân ca, truyện cổ tích : "Đất Nước của Nhân dân, Đất Nước của ca dao thần thoại". Câu thơ hai vế song song, đồng đẳng là một cách định nghĩa về đất nước thật giản dị mà cũng thật độc đáo. Trong cả kho tàng ca dao, ở đây tác giả chỉ chọn lọc ba phương diện quan trọng nhất của truyền thống nhân dân, dân tộc : thật say đắm trong tình yêu ("Yêu em từ thuở trong nôi"), quý trọng tình nghĩa ("quý công cầm vàng những ngày lặn lội") nhưng cũng thật quyết liệt trong căm thù và chiến đấu ("trồng tre đợi ngày thành gậy - Đi trả thù mà không sợ dài lâu", v.v.).

Chúng ta lại gặp cách vận dụng vốn ca dao, dân ca một cách sáng tạo : không lặp lại nguyên văn mà chỉ sử dụng ý và hình ảnh của câu ca dao, vẫn gợi nhớ đến câu ca dao nhưng lại trở thành một câu, một ý thơ gắn bó trong mạch thơ của bài.

– Tư tưởng *Đất Nước của Nhân dân* thực ra đã manh nha từ trong lịch sử xa xưa. Những nhà tư tưởng lớn, những nhà văn lớn của dân tộc đã từng nói lên nhận thức về vai trò của nhân dân trong lịch sử. GV gợi ý HS nhớ lại những biểu hiện của tư tưởng ấy trong thơ văn Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu. Ở thời kì hiện đại, được soi sáng bằng tư tưởng xã hội chủ nghĩa, bằng quan điểm mác xít về nhân dân và nảy nở từ trong thực tiễn của cuộc cách mạng mang tính nhân dân, văn học sau Cách mạng tháng Tám đã đạt đến một nhận thức sâu sắc về nhân dân và cảm hứng về đất nước mang tính dân chủ cao. (Thơ ca kháng chiến chống thực dân Pháp là một ví dụ tiêu biểu. Có thể nhớ đến các bài : *Tình sông núi* của Trần Mai Ninh, *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi, *Bên kia sông Đuống* của Hoàng Cầm). Đến giai đoạn chống đế quốc Mĩ, tư tưởng *Đất Nước của Nhân dân* một lần nữa được nhận thức sâu sắc thêm bởi vai trò và những đóng góp to lớn, những hi sinh vô vàn của nhân dân trong cuộc chiến tranh dài lâu và cực kì ác liệt này.

Tư tưởng ấy được các nhà thơ lớp trẻ thời chống Mĩ cứu nước phát biểu một cách thấm thía qua sự trải nghiệm của chính mình như những thành viên của nhân dân, cùng chia sẻ mọi gian lao, hi sinh và được sự chở che, đùm bọc,

nuôi dưỡng của nhân dân (*Hơi ấm ổ rơm* của Nguyễn Duy, các trường ca *Những người đi tới biển* của Thanh Thảo và *Đường tới thành phố* của Hữu Thỉnh đều tập trung nói về gương mặt của những con người bình thường, vô danh trong nhân dân). *Đất Nước* của Nguyễn Khoa Điềm góp thêm một thành công trong dòng thơ về đất nước thời chống Mĩ cứu nước, làm sâu sắc thêm nhận thức về nhân dân và đất nước.

Câu hỏi 4

Thành công của đoạn trích *Đất Nước* của Nguyễn Khoa Điềm còn ở việc tạo ra một không khí, giọng điệu, một không gian nghệ thuật riêng đưa ta vào thế giới gần gũi, mĩ lệ và bay bổng của ca dao, truyền thuyết, của văn hoá dân gian nhưng lại mới mẻ, qua cách cảm nhận và tư duy hiện đại với hình thức câu thơ tự do. Đó chính là nét đặc sắc thẩm mĩ, thống nhất với tư tưởng "Đất Nước của Nhân dân, Đất Nước của ca dao thần thoại" của đoạn trích. (GV yêu cầu HS tìm và nêu nhận xét về những yếu tố văn hoá, văn học dân gian được sử dụng trong đoạn trích).

– Chất liệu dân gian được sử dụng rất đa dạng và sáng tạo. Có phong tục, lối sống, tập quán sinh hoạt, vật dụng quen thuộc (miếng trầu ; tóc bới sau đầu ; cái kèo, cái cột, hạt gạo xay, giã, dần, sàng, hòn than, con cúi,...). Có ca dao, dân ca, tục ngữ (xem các chú thích trong SGK đã ghi lại những câu ca dao, dân ca được sử dụng trong đoạn trích). Có truyền thuyết Hùng Vương, các truyện cổ tích từ xa xưa (*Trầu cau, Tấm Cám, Sự tích hòn Vọng Phu, hòn Trống Mái*,...). Cách vận dụng của tác giả thường là chỉ gợi ra bằng một vài chữ của câu ca dao hay một hình ảnh, một chi tiết trong truyền thuyết, cổ tích, trừ trường hợp câu dân ca Bình – Trị – Thiên được lấy lại gần nguyên vẹn ("Con chim phượng hoàng [...] biển khơi").

Chất liệu văn hoá, văn học dân gian được sử dụng đậm đặc đã tạo nên một không gian nghệ thuật riêng của đoạn trích, vừa bình dị, gần gũi, hiện thực, lại vừa giàu tưởng tượng, bay bổng, mơ mộng. Hơn nữa có thể nói chất dân gian đã thấm sâu vào tư tưởng và cảm xúc của tác giả, tạo nên một đặc điểm trong tư duy nghệ thuật ở đoạn trích này.

– Nhưng đoạn trích *Đất Nước* không chỉ có chất dân gian mà còn có tính hiện đại. Điều đó được thể hiện ở các yếu tố suy tưởng, triết lí và ở thể thơ tự do với những câu thơ co duỗi linh hoạt, thay đổi nhịp điệu và rất ít dựa vào vần để liên kết.

Câu hỏi 5

Nên kết hợp với Câu hỏi 3 đã gợi ý ở trên để hoàn thành việc tìm hiểu phần 1 của đoạn trích.

Câu hỏi 6

Đoạn trích thể hiện đặc điểm của thơ Nguyễn Khoa Điềm : kết hợp chính luận và trữ tình, suy tưởng và cảm xúc.

– Chất chính luận ở đây cũng như trong toàn bộ trường ca *Mặt đường khát vọng* nằm trong ý đồ tư tưởng của tác giả : Thức tỉnh tinh thần dân tộc của thế hệ trẻ thành thị miền Nam, để dứt khoát trong sự lựa chọn đứng về phía nhân dân và cách mạng. Tính chính luận đã chi phối kết cấu : Đoạn trích được xây dựng theo cách lập luận, như là để trả lời cho hai câu hỏi : "Đất nước là gì ?" (phần 1 của đoạn trích). Nhưng đoạn trích này không phải là một văn bản nghị luận thuần tuý mà là sự kết hợp chính luận với trữ tình, suy tưởng với cảm xúc.

– Chất trữ tình không chỉ được biểu hiện ở những câu thơ bộc lộ trực tiếp tình cảm, cảm xúc của chủ thể mà còn thấm vào trong cái nhìn, trong thái độ trân trọng, yêu quý với mỗi hình ảnh, chi tiết về đất nước gắn liền với nhân dân được miêu tả, gợi ra trong đoạn trích.

Suy tưởng cũng là một ưu thế tạo nên thành công của đoạn trích *Đất Nước* cũng như của thơ Nguyễn Khoa Điềm nói chung. Chính nhờ suy tưởng mà nhà thơ đã phát hiện được nhiều ý nghĩa mới và sâu từ những điều quen thuộc : những truyện cổ tích, câu ca dao, những địa danh, thắng cảnh của đất nước đều chứa đựng tâm sự, quan niệm, lối sống, cả cuộc đời và máu thịt của nhân dân. Nhưng những suy nghĩ, phát hiện ấy không phải được nói lên bằng những mệnh đề khô khan, mà qua hình ảnh thơ và những cảm xúc của chủ thể trữ tình.

– Tuy nhiên, đoạn trích này cũng có nhược điểm : chính luận có chỗ còn nặng nề, lấn át cảm xúc, nhiều ý triển khai còn dàn trải, chưa thật cô đọng để gây được ấn tượng tập trung.

3. Phần củng cố

– GV yêu cầu HS nêu tóm tắt những đặc sắc về nội dung tư tưởng và nghệ thuật của đoạn trích *Đất Nước*, so sánh với sự cảm nhận về đất nước trong thơ Việt Nam thời kì trước Cách mạng và giai đoạn 1945 - 1975 để thấy được những điểm chung và những nét riêng trong sự phát hiện và cảm nhận về đất nước của Nguyễn Khoa Điềm.

– Yêu cầu HS về nhà học thuộc một số câu thơ đặc sắc trong đoạn trích.

IV – HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI TẬP NÂNG CAO

– Yêu cầu : Làm rõ được những nét riêng trong sự cảm nhận và thể hiện hình ảnh đất nước trong đoạn trích *Đất Nước* của Nguyễn Khoa Điềm và bài thơ *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi. Sự so sánh ở đây không phải nhằm đánh giá hơn kém mà là để thấy được những cái riêng, những đóng góp của mỗi nhà thơ trong cùng một đề tài, trước cùng một đối tượng.

– Gợi ý những nội dung chính :

+ Khẳng định cảm hứng về đất nước là cảm hứng phổ biến và nổi bật trong thơ Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975. Giải thích lí do dẫn tới điều đó.

+ Bài thơ *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi và đoạn trích *Đất Nước* của Nguyễn Khoa Điềm khai thác cùng một đề tài và cùng theo cách khái quát về hình ảnh đất nước.

+ Bài thơ *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi tập trung nói về đất nước trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nên cảm xúc và suy tưởng của tác giả gắn liền với những không gian và thời gian khá cụ thể. Nửa đầu của bài thơ là hai hình ảnh mùa thu đất nước – một của Hà Nội trong "những ngày thu đã xa", một của chiến khu Việt Bắc trong "mùa thu nay", còn phần sau của bài thơ dựng lại khái quát hình ảnh đất nước trong chiến tranh, từ đau thương, căm hờn mà bất khuất vùng lên, đứng dậy chiến thắng.

+ Đoạn trích *Đất Nước* của Nguyễn Khoa Điềm tuy được viết trong thời kì kháng chiến chống đế quốc Mĩ, nhưng không trực tiếp thể hiện hình ảnh đất nước trong cuộc kháng chiến ấy, cũng không gắn với một không gian địa lí cụ thể của vùng miền nào. Đoạn trích là sự suy ngẫm khái quát về đất nước trên các bình diện : thời gian lịch sử, không gian địa lí, chiều sâu văn hoá, tâm hồn dân tộc, đời sống sinh hoạt, phong tục quen thuộc thường ngày,...

Như vậy, cách tiếp cận đất nước của hai tác giả không giống nhau, tạo ra những khả năng nhận thức, phát hiện và hình dung về đất nước phong phú, không lặp lại.

+ Chỗ gặp gỡ trong tư tưởng về đất nước của hai tác giả và cũng là điểm chung của thơ về đất nước từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, đó là nhận thức về đất nước gắn liền với nhân dân. Tư tưởng ấy thấm sâu vào cách thể hiện hình ảnh đất nước ở cả hai tác phẩm và còn được đúc kết trong những câu thơ có tính khái quát :

– *Ôm đất nước những người áo vải*
Đã đứng lên thành những anh hùng

(Nguyễn Đình Thi)

– *Để Đất Nước này là Đất Nước Nhân dân*
Đất Nước của Nhân dân, Đất Nước của ca dao thần thoại.

(Nguyễn Khoa Điềm)

+ Việc sử dụng chất liệu ở hai bài thơ cũng khác nhau. Nguyễn Đình Thi sử dụng nhiều hình ảnh giàu ấn tượng, cảm xúc gắn với kỉ niệm và trải nghiệm của chính tác giả, cùng với những hình ảnh mang tính tượng trưng, khái quát (chủ yếu ở phần sau của bài thơ). Còn Nguyễn Khoa Điềm lại đặc biệt chú trọng khai thác các chất liệu văn hoá, văn học dân gian, từ truyền thuyết, cổ tích đến ca dao, tục ngữ, phong tục, sinh hoạt dân gian,...

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

– Nguyễn Khoa Điềm, *Mặt đường khát vọng* (trường ca), NXB Văn nghệ Giải phóng, 1974.

– Nguyễn Văn Long, *Nguyễn Khoa Điềm với "Mặt đường khát vọng"*, tạp chí *Văn nghệ Quân đội*, số 4, 1975. In lại trong sách *Văn học Việt Nam trong thời đại mới*, NXB Giáo dục, 2002.